

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 185 /BC- UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 14 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12/7/2022, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2022, Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công 5 tháng đầu năm, ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm và cả năm 2024 và nhu cầu vốn năm 2025; đồng thời rà soát các nguồn vốn có khả năng đưa vào cân đối trong năm 2025,

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1450/SKHĐT-ĐT ngày 11 tháng 6 năm 2024, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025, như sau:

I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 5.144 tỷ 379 triệu đồng (kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1), bao gồm:

1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung:	694 tỷ 379 triệu đồng
Trong đó:	
- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố:	335 tỷ đồng
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)	
- Trả nợ ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	15 tỷ 790 triệu đồng
- Vốn đối ứng ngân sách trung ương:	147 tỷ đồng
- Vốn tất toán các công trình đã quyết toán:	50 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	146 tỷ 589 triệu đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	146 tỷ 589 triệu đồng
2. Nguồn thu sử dụng đất:	3.100 tỷ đồng
Trong đó:	

- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố (thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND):	900 tỷ đồng
- Hoàn trả ngân sách tỉnh:	783 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	2.200 tỷ đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	705 tỷ 300 triệu đồng
+ Dự án khởi công mới năm 2025:	1.494 tỷ 700 triệu đồng
3. Nguồn thu xô số kiến thiết:	1.350 tỷ đồng
Trong đó:	
- Vốn đối ứng ngân sách trung ương:	150 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	1.200 tỷ đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	426 tỷ đồng
+ Dự án khởi công mới năm 2025:	774 tỷ đồng

II. Dự kiến kết quả đạt được của phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

Nhìn chung, phương án phân bổ đã tuân thủ pháp luật về đầu tư công, định hướng của Trung ương và bám sát vào Nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đáp ứng giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XI và kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó tập trung phát triển hệ thống giao thông toàn tỉnh gắn kết với hệ thống đô thị trung tâm và các trục giao thông chính. Đặc biệt các dự án giao thông kết nối liên vùng (Dự án Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), dự án xây dựng đường cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước, dự án đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước), dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước có ý nghĩa tạo sự lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ phát huy được thế mạnh của từng vùng, mở ra không gian phát triển rộng hơn, từ đó tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh góp phần vào mục tiêu phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Song song với việc đầu tư kết cấu hạ tầng, tinh quan tâm đầu tư trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó tập trung tiếp tục đầu tư nâng cấp 2 Trung tâm y tế thị xã Phước Long và huyện Lộc Ninh góp phần nâng cao năng lực khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tốt hơn. Nhất là việc đầu tư cơ sở vật chất ngành giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp được quan tâm đầu tư. Hỗ trợ xây dựng các phòng học cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, nhằm xóa bỏ các phòng học xây dựng tạm, phòng học bán kiên cố đã hết niên hạn sử dụng, đang xuống cấp và hoàn chỉnh kế hoạch chuẩn hóa trường...

Thực hiện đầu tư có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã từng bước hoàn thiện mạng lưới cơ sở hạ tầng ở các xã vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương trao đổi hàng hóa, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là các đồng bào dân tộc thiểu số một cách bền vững; làm giảm khoảng cách chênh lệch giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh, chất lượng thụ hưởng các phúc lợi xã hội ngày càng được nâng cao như: có điện thấp sáng, có nước sạch sử dụng; trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường, các dịch vụ, cơ sở khám chữa bệnh ngày càng hoàn thiện.

III. Các giải pháp đẩy mạnh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

1. Quyết liệt chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Công điện số 24/CĐ-TTg ngày 22/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024; Công điện số 03/CĐ-BKHĐT ngày 04/6/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024, hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án sử dụng tăng thu ngân sách trung ương năm 2022 và hoàn thành thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định; Công văn số 1332/UBND-TH ngày 11/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy nhanh tiến độ phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2024 và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung của Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thành lập Tổ công tác tháo gỡ khó khăn vướng mắc, thúc đẩy giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Các thành viên Tổ công tác theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động rà soát, đôn đốc, phối hợp, hỗ trợ các chủ đầu tư, ban quản lý dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án và quyết liệt, chủ động, kịp thời tháo gỡ nhanh nhất những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục liên quan thuộc lĩnh vực phân công theo dõi.

3. Chủ động, rà soát đánh giá khả năng giải ngân của từng dự án để có phương án điều chỉnh kế hoạch vốn từ những dự án chậm giải ngân sang dự án giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung trong nội bộ của địa phương theo quy định, để đảm bảo giải ngân hết số vốn được giao.

4. Thực hiện ngay thủ tục thanh toán vốn đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có khối lượng được nghiệm thu theo quy định, không để dồn thanh toán vào cuối năm; khẩn trương hoàn thiện các thủ tục quyết toán, giải ngân vốn đối với các dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

5. Tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc về công tác đấu giá quyền sử dụng đất với kết quả cao nhất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn này.

6. Tiếp tục duy trì giao ban định kỳ, thường xuyên hàng tháng về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc. Riêng đối với vốn 03 Chương trình

mục tiêu quốc gia tỉnh duy trì giao ban định kỳ để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các địa phương; tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để đẩy mạnh giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện và giải ngân vốn các dự án.

8. Đề cao vai trò và gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; xác định kết quả giải ngân đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan; kiên quyết thực hiện việc điều chuyển cán bộ đối với những cán bộ sơ sai, sơ trách nhiệm, gây ách tắc trong thực hiện giải ngân vốn đầu tư công.

9. Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn phải đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân và đúng các quy định pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết)

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



Trần Tuệ Hiền

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 185 /BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2024		Thực hiện giải ngân 5 tháng đầu năm 2024		Ước thực hiện giải ngân 6 tháng đầu năm 2024			Ước thực hiện cả năm 2024			Dự kiến kế hoạch vốn 2025	
			Trung ương giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ %		Số vốn	Tỷ lệ %		Số vốn	Tỷ lệ %		
						Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao		Trung ương giao	Tỉnh giao	
	TỔNG SỐ	40.388.731	5.545.462	5.630.202	1.036.091	18,7	18,4	1.556.000	28,1	27,6	5.068.500	91,4	90,0	
I	Vốn ngân sách trung ương	6.979.485	784.352	784.352	53.626	6,8	6,8	140.000	17,8	17,8	758.500	96,7	96,7	
1	Vốn trong nước	6.391.248	739.691	739.691	53.626	7,2	7,2	140.000	18,9	18,9	713.500	96,5	96,5	
1.1	Các Chương trình mục tiêu	4.763.034	395.800	395.800	44.640	11,3	11,3	100.000	25,3	25,3	390.000	98,5	98,5	
1.2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	1.384.214	343.891	343.891	8.986	2,6	2,6	40.000	11,6	11,6	323.500	94,1	94,1	
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	794.233	188.432	188.432				9.500	5,0	5,0	170.000	90,2	90,2	
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.111	3.699	3.699				500	13,5	13,5	3.500	94,6	94,6	
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	579.870	151.760	151.760	8.986	5,9	5,9	30.000	19,8	19,8	150.000	98,8	98,8	
1.3	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	244.000												
2	Vốn nước ngoài	588.237	44.661	44.661							45.000	100,8	100,8	
II	Vốn ngân sách địa phương	33.409.246	4.761.110	4.845.850	982.465	20,6	20,3	1.416.000	29,7	29,2	4.310.000	90,5	88,9	5.144.379
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	2.693.600	493.310	493.310	182.233	36,9	36,9	265.000	53,7	53,7	490.000	99,3	99,3	694.379
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	25.748.369	3.100.000	3.109.740	451.006	14,5	14,5	551.000	17,8	17,7	2.600.000	83,9	83,6	3.100.000
2.1	Khối tỉnh				2.431.580									2.200.000
2.2	Khối huyện				678.160									900.000
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.803.415	1.150.000	1.225.000	349.226	30,4	28,5	600.000	52,2	49,0	1.220.000	106,1	99,6	1.350.000
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	112.100	17.800	17.800										



Biểu số 1
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số 185 /BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		
	Tổng số		38.430.934	19.733.759	13.917.177	4.845.850	493.310	3.109.740	1.225.000	17.800	953.610	5.144.379	694.379	3.100.000	1.350.000		
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	7.097.892	981.760	303.600	678.160	-		269.084	1.235.000	335.000	900.000			
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860		16.070	16.070				5.033	15.790	15.790			Sở Tài chính	
C	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương					10.000	10.000										
D	Hoàn trả ngân sách tỉnh					1.583.000	-	1.583.000	-	-		783.000	-	783.000	-	Sở Tài chính	
I	Dự kiến huy thu tiền sử dụng đất khởi tinh năm 2024					1.533.000		1.533.000				783.000		783.000			
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh					50.000		50.000									
E	Vốn đối ứng ngân sách trung ương		2.686.000	2.231.000	1.940.285	536.600	-	152.200	384.400	-	177.798	297.000	147.000	-	150.000		
1	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.295.000	1.295.000	159.000			159.000		1.126	150.000			150.000		
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	176.400	15.400	-		15.400			10.000	10.000			Ban Dân tộc phối hợp Sở LĐTBXH tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn	
-	Vốn đối ứng NSTW					5.000			5.000			-					
-	Vốn giảm 500 hộ nghèo theo kế hoạch của tỉnh					10.400			10.400			-					
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			80.000	55.000	19.000			19.000			25.000	25.000				
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000	10.000	10.000			10.000			18.000	18.000			Sở Y tế	
5	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rát		646.000	186.000	50.000	50.000			50.000			56.000	56.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
6	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021; 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	306.885	256.200		152.200	104.000		171.521	38.000	38.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
7	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	47.000	27.000			27.000		5.151	-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
F	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			154.375	173.507	24.180			2.980	21.200		24.099	50.000	50.000		Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn	
G	Vốn thực hiện dự án		35.249.377	8.316.500	4.705.493	1.694.240	163.640	693.400	819.400	17.800	477.596	3.546.589	146.589	2.200.000	1.200.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết		
G1	Dự án chuyên tiệp		6.670.557	6.613.000	4.705.493	1.694.240	163.640	693.400	819.400	17.800	477.596	1.277.889	146.589	705.300	426.000		
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		5.191.557	4.406.600	2.858.703	934.800	43.600	693.400	180.000	17.800	298.332	806.800	42.000	625.800	139.000		
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	109.200	43.600	43.600				234	-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
2	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài DT 755 nối DT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	90.000	14.000		14.000			14.000	-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021, 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	440.000	396.000	151.999	100.000			100.000		26.272	143.000		143.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tinh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017, 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017; 1901/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	495.557	423.000	372.974	17.800				17.800						Ban QLDA ĐTXD tỉnh	
5	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	30.000	20.000		20.000			42.000	42.000				UBND TP Đồng Xoài	
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (doan từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	156.000	40.000		40.000			11.948	69.000				69.000	UBND TP Đồng Xoài
7	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	170.000	20.000		20.000			15.000	50.000				50.000	UBND huyện Đồng Phú
8	Xây dựng đường trục chính từ DT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	57.000	15.000		15.000			10.000	50.000		50.000		UBND huyện Đồng Phú	
9	Xây dựng đường từ DT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	50.550	15.000		15.000			10.000	30.000		30.000		UBND huyện Đồng Phú	
10	Nâng cấp mở rộng đường Phù Riềng Đô từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	17.000	15.000		15.000			10.000	17.200		17.200		UBND huyện Đồng Phú	
11	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	26.700	12.000		12.000			10.000	-				UBND huyện Lộc Ninh	
12	Xây dựng đường liên xã Lộc Điện - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	27.000	11.000		11.000			10.000	-				UBND huyện Lộc Ninh	
13	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	40.000	16.000		16.000			7.500	-				UBND huyện Lộc Ninh	
14	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	54.000	19.000		19.000			19.000	-				UBND huyện Bù Đốp	
15	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	47.000	20.000		20.000			7.498	-				UBND huyện Bù Đốp	
16	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	36.000	20.000		20.000			11.467	36.000		36.000		UBND huyện Bù Đốp	
17	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	41.000	20.000		20.000			38.000		38.000		38.000	UBND huyện Bù Đốp	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiên thiêt		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiên thiêt	
18	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Dak O xã Phú Văn (Tuyền 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyền 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	115.000	25.000		25.000		10.000	20.000		20.000		UBND huyện Bù Gia Mập
19	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	49.000	25.000		25.000		5.000	18.500		18.500		UBND huyện Bù Gia Mập
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kia qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phù Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	53.000	25.000		25.000		10.000	-				UBND huyện Bù Gia Mập
21	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	81.000	16.000		16.000		-	-				UBND huyện Bù Gia Mập
22	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thông Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	53.000	5.000		5.000		1.959	-				UBND huyện Bù Đăng
23	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	71.000	20.000		20.000		-	-				UBND huyện Bù Đăng
24	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	53.000	5.000		5.000		5.000	-				UBND huyện Bù Đăng
25	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thi xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	16.800	10.000		10.000		-	-				UBND thi xã Bình Long
26	Xây dựng đường Lê Đại Hành thi xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hòn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	55.580	30.000		30.000		409	23.000		23.000		UBND thi xã Bình Long
27	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hòn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	75.000	30.000		30.000		8.739	42.000		42.000		UBND thi xã Bình Long
28	Xây dựng, lát nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	45.000	20.000		20.000		2.969	-		-		UBND thi xã Phước Long
29	Xây dựng, lát nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phù Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	48.500	20.000		20.000		2.000	5.500		5.500		UBND thi xã Phước Long
30	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thi xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	70.000	40.000		40.000		4.279	-				UBND thi xã Phước Long
31	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khê Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	50.000	20.000		20.000		-	-				UBND thi xã Phước Long
32	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hòn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	45.000	20.000		20.000		30.000		30.000		30.000	UBND huyện Hòn Quản
33	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hòn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	90.000	20.000		20.000		8.500	25.000		25.000		UBND huyện Hòn Quản
34	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hòn Quản	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	51.000	20.000		20.000		-	-				UBND huyện Hòn Quản



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bồi trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		
35	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hòn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	52.000	20.000		20.000			25.000		25.000		UBND huyện Hòn Quản	
36	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	42.000	20.000		20.000			15.175				UBND huyện Phú Riềng	
37	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	160.000	50.000			50.000		49.731	20.000			20.000	UBND huyện Phú Riềng
38	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hòn Quản)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	53.400	25.400		25.400			5.000	27.600		27.600		UBND huyện Phú Riềng
39	Xây dựng đường từ xã Phù Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	53.000	20.000		20.000			5.500	55.000		55.000		UBND huyện Phú Riềng
40	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn Thành đến KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	30.000	30.000			30.000		1.152	40.000		40.000		UBND thị xã Chơn Thành
II Hạ tầng khu công nghiệp, KKT			200.000	180.000	163.000	56.300	-	-	56.300	-	14.284	11.000	-	-	11.000	
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	44.000	10.000			10.000		40					Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	34.000	20.000			20.000		666	11.000			11.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	42.000	15.000			15.000		8.538	-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	43.000	11.300			11.300		5.040	-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp			158.000	174.000	89.000	59.000	10.000	-	49.000	-	10.752	83.589	83.589	-	-	
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	18.000	5.000	5.000				3.905	-				Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	22.000	5.000	5.000				5.000	10.000	10.000			Liên minh HTX
3	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woá, huyện Bù Đăng	2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	138.000	124.000	49.000	49.000			49.000		1.847	73.589	73.589			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV Giáo dục và Đào tạo			260.000	1.074.000	1.072.000	264.000	-	-	264.000	-	79.792	51.000	-	-	51.000	
1	Hỗ trợ các huyện xây dựng 280 phòng học			840.000	840.000	196.000	-	-	196.000	-	48.221	-	-	-	-	
1.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 30 phòng học			203.000	203.000	21.000			21.000		5.881	-				
1.2	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 30 phòng học			91.000	91.000	21.000			21.000		4.682	-				
1.3	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 70 phòng học			119.000	119.000	49.000			49.000		11.946	-				
1.4	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 20 phòng học			81.200	81.200	14.000			14.000		-					
1.5	Hỗ trợ huyện Hòn Quản 70 phòng học			77.000	77.000	49.000			49.000		15.217	-				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	
						Trong đó:									
1.6	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 40 phòng học			56.000	56.000	28.000			28.000		-				
1.7	Hỗ trợ thi xã Phước Long 20 phòng học			63.000	63.000	14.000			14.000		10.495	-			
1.8	Hỗ trợ huyện Bù Gia Mập 124 phòng học			86.800	86.800						-				
1.9	Hỗ trợ thi xã Bình Long 50 phòng học			35.000	35.000						-				
1.10	Hỗ trợ thi xã Chơn Thành 40 phòng học			28.000	28.000						-				
2	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Síkico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		6.621	-			UBND huyện Hòn Quản
3	Xây dựng trường mầm non Phước Thiên	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		4.352	-			UBND huyện Bù Đốp
4	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		6.355	-			UBND huyện Bù Đốp
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	133.000	35.000			35.000		2.250				UBND TX Bình Long
6	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	18.000	12.000			12.000		11.993	-			UBND huyện Bù Đăng
7	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	68.000						51.000				51.000 Ban QLDA ĐTXD tỉnh
V	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	272.790	96.140	70.040	-	26.100		70.552	21.000	21.000	-	-
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	115.040	35.040	35.040				28.867				Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	107.100	26.100			26.100		25.705				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	50.650	35.000	35.000				15.980	21.000	21.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		531.000	481.400	250.000	190.000	15.000	-	175.000		3.884	225.000	-	-	225.000
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	401.400	195.000	150.000			150.000		3.884	200.000			200.000 Sở Thông tin và Truyền thông
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	1721/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	30.000	30.000	30.000	15.000	15.000				-				Công an tỉnh
3	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000	25.000	25.000			25.000			25.000			25.000 Công an tỉnh
V	Quản lý nhà nước		65.000	-	59.000	59.000	-	-	59.000		-	-	-	-	-
1	Cải tạo, nâng cấp Hội trường 420 chỗ		65.000		59.000	59.000			59.000		-				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VI	Quốc phòng - An ninh		128.000	115.200	35.000	35.000	25.000	-	10.000		79.500	-	79.500	-	-
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bô CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 03/01/2024	43.000	38.700	10.000	10.000			10.000		28.000		28.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
2	Sở chỉ huy thông tin Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	142/QĐ-QK ngày 10/11/2023	50.000	45.000	10.000	10.000	10.000				35.000		35.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:					
						Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương		Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết				
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500	15.000	15.000	15.000				16.500		16.500		Công an tỉnh		
G2	Dự án khởi công mới			28.578.820	1.703.500	-	-	-	-	-	2.268.700	-	1.494.700	774.000			
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị			28.578.820	1.703.500	-	-	-	-	-	2.268.700	-	1.494.700	774.000			
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024	1.474.000	314.000							474.000		474.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
2	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)		25.540.000	1.233.500							1.233.500		1.233.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
3	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	604.820	156.000							106.000		106.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh		
4	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT.753 - ranh Bình Dương), tỉnh Bình Phước		960.000								455.200		155.200	300.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		





Số: /NQ-HĐND
Dự thảo

Bình Phuoc, ngày tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công
nguồn ngân sách địa phương năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua kế hoạch bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Báo cáo số ---/BC-UBND ngày -- tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số --/BC-HĐND-KTNS ngày -- tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế -

Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025 với các nội dung như sau:

I. Tổng nguồn vốn ngân sách địa phương là 5.144 tỷ 379 triệu đồng, bao gồm:

- | | |
|--|------------------------|
| - Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung: | 694 tỷ 379 triệu đồng. |
| - Nguồn thu tiền sử dụng đất: | 3.100 tỷ đồng. |
| - Nguồn thu xổ số kiến thiết: | 1.350 tỷ đồng. |

(Kèm theo biểu tổng hợp)

II. Phương án phân bổ: 5.144 tỷ 379 triệu đồng, bao gồm:

1. Nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung:	694 tỷ 379 triệu đồng
Trong đó:	
- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố:	335 tỷ đồng
(quy định tại Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020)	
- Trả nợ ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	15 tỷ 790 triệu đồng
- Vốn đối ứng ngân sách trung ương:	147 tỷ đồng
- Vốn tất toán các công trình đã quyết toán:	50 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	146 tỷ 589 triệu đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	146 tỷ 589 triệu đồng
2. Nguồn thu sử dụng đất:	3.100 tỷ đồng
Trong đó:	
- Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	
(thu của các huyện, thị xã, thành phố để chi XDCB theo Nghị quyết 15/2021/NQ-HĐND):	900 tỷ đồng
- Hoàn trả ngân sách tỉnh:	783 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	2.200 tỷ đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	705 tỷ 300 triệu đồng
+ Dự án khởi công mới năm 2025:	1.494 tỷ 700 triệu đồng
3. Nguồn thu xổ số kiến thiết:	1.350 tỷ đồng
Trong đó:	
- Vốn đối ứng ngân sách trung ương:	150 tỷ đồng
- Thực hiện dự án:	1.200 tỷ đồng
+ Dự án chuyển tiếp sang năm 2025:	426 tỷ đồng

+ Dự án khởi công mới năm 2025:

774 tỷ đồng

(Kèm theo biểu số 1)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ mươi lăm thông qua ngày ... tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

BIỂU TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Biểu số 1
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
 (Kèm theo Nghị quyết số *NQ-HĐND* ngày *tháng* năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bồi trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:								
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chí ngân sách địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết						
	Tổng số		38.430.934	19.733.759	13.917.177	4.845.850	493.310	3.109.740	1.225.000	17.800	953.610	5.144.379	694.379	3.100.000	1.350.000						
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố			8.967.024	7.097.892	981.760	303.600	678.160	-	-	269.084	1.235.000	335.000	900.000							
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)		495.557	64.860		16.070	16.070				5.033	15.790	15.790			Sở Tài chính					
C	Hoàn trả vốn ứng trước ngân sách trung ương					10.000	10.000														
D	Hoàn trả ngân sách tỉnh					1.583.000	-	1.583.000	-	-		783.000	-	783.000	-	Sở Tài chính					
I	Dư kiênh hụt thu tiền sử dụng đất khởi tính năm 2024					1.533.000		1.533.000				783.000		783.000							
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh					50.000		50.000				-									
E	Vốn đối ứng ngân sách trung ương		2.686.000	2.231.000	1.940.285	536.600	-	152.200	384.400	-	177.798	297.000	147.000	-	150.000						
I	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.295.000	1.295.000	159.000			159.000		1.126	150.000				150.000					
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	176.400	15.400	-		15.400			10.000	10.000			Ban Dân tộc phối hợp Sở LĐTBXH tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn					
-	Vốn đối ứng NSTW					5.000			5.000			-									
-	Vốn giảm 500 hộ nghèo theo kế hoạch của tỉnh					10.400			10.400			-									
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			80.000	55.000	19.000			19.000			25.000	25.000								
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025		140.000	28.000	10.000	10.000			10.000			18.000	18.000			Sở Y tế					
5	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rát		646.000	186.000	50.000	50.000			50.000			56.000	56.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh					
6	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chợ Thành - Hoa Lư	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, 387/QĐ-UBND ngày 8/2/2021, 1631/QĐ-UBND ngày 7/9/2022	1.450.000	345.000	306.885	256.200		152.200	104.000		171.521	38.000	38.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh					
7	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tân đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	47.000	47.000	27.000			27.000		5.151					Ban QLDA ĐTXD tỉnh					
F	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			154.375	173.507	24.180		2.980	21.200		24.099	50.000	50.000			Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết vốn					
G	Vốn thực hiện dự án		35.249.377	8.316.500	4.705.493	1.694.240	163.640	693.400	819.400	17.800	477.596	3.546.589	146.589	2.200.000	1.200.000						

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bồi tri vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024					Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Chủ đầu tư				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó								
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết	Đầu tư từ nguồn bồi chu ngán sach địa phương			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết						
G1	Dự án chuyên tiếp		6.670.557	6.613.000	4.705.493	1.694.240	163.640	693.400	819.400	17.800	477.596	1.277.889	146.589	705.300	426.000						
1	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		5.191.557	4.406.600	2.858.703	934.800	43.600	693.400	180.000	17.800	298.332	806.800	42.000	625.800	139.000						
1	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	109.200	43.600	43.600				234	-				Ban QLDA DTXD tỉnh					
2	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài DT 755 nối DT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	90.000	14.000		14.000			14.000	-				Ban QLDA DTXD tỉnh					
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bau Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021, 3158/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	440.000	396.000	151.999	100.000			100.000		26.272	143.000		143.000		Ban QLDA DTXD tỉnh					
4	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước (đường Minh Lập - Lộc Hiệp)	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017, 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017, 1901/QĐ-UBND ngày 21/7/2021	495.557	423.000	372.974	17.800				17.800						Ban QLDA DTXD tỉnh					
5	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	30.000	20.000		20.000			42.000	42.000				UBND TP Đồng Xoài					
6	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	156.000	40.000		40.000		11.948	69.000				69.000	UBND TP Đồng Xoài					
7	Xây dựng đường từ TT HC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	170.000	20.000		20.000		15.000	50.000				50.000	UBND huyện Đồng Phú					
8	Xây dựng đường trục chính từ DT 741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	57.000	15.000		15.000		10.000	50.000				50.000	UBND huyện Đồng Phú					
9	Xây dựng đường từ DT 741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	50.550	15.000		15.000		10.000	30.000				30.000	UBND huyện Đồng Phú					
10	Nâng cấp mở rộng đường đường Phù Riềng Đô từ TT HC huyện di Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	1607/QĐ-UBND ngày 22/4/2021	38.000	34.200	17.000	15.000		15.000		10.000	17.200				17.200	UBND huyện Đồng Phú					
11	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	26.700	12.000		12.000		10.000	-					UBND huyện Lộc Ninh					
12	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	27.000	11.000		11.000		10.000	-					UBND huyện Lộc Ninh					
13	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiên - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	40.000	16.000		16.000		7.500	-					UBND huyện Lộc Ninh					
14	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	54.500	54.000	19.000		19.000		19.000	-					UBND huyện Bù Đốp					
15	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT 759B di trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500	47.000	20.000		20.000		7.498	-					UBND huyện Bù Đốp					
16	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100	36.000	20.000		20.000		11.467	36.000				36.000	UBND huyện Bù Đốp					
17	Nâng cấp, mở rộng đường từ DT 759B đoạn từ đồn biên phòng 789 di sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	110.000	99.100	41.000	20.000		20.000			38.000				38.000	UBND huyện Bù Đốp					

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết					
18	Nâng cấp, mở rộng đường DT 760 từ ngã tư DT 741 đến cầu Đák O xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hanh - Phú Văn từ DT 741 đến ngã tư Quốc lộ, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	115.000	25.000		25.000		10.000	20.000		20.000		UBND huyện Bù Gia Mập				
19	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Be (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500	49.000	25.000		25.000		5.000	18.500		18.500		UBND huyện Bù Gia Mập				
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đăk Kia qua xã Bình Thành, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phù Riêng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000	53.000	25.000		25.000		10.000	-		-		UBND huyện Bù Gia Mập				
21	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	81.000	16.000		16.000		-	-		-		UBND huyện Bù Gia Mập				
22	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi DT755 xã Thông Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	53.000	5.000		5.000		1.959	-		-		UBND huyện Bù Đăng				
23	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	71.000	20.000		20.000		-	-		-		UBND huyện Bù Đăng				
24	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lach)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	53.000	5.000		5.000		5.000	-		-		UBND huyện Bù Đăng				
25	Dự án nâng cấp, mở rộng đường DT 752 (doan thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long)	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	16.800	10.000		10.000		-	-		-		UBND thị xã Bình Long				
26	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hòn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	79.300	55.580	30.000		30.000		409	23.000		23.000		UBND thị xã Bình Long				
27	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hòn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000	75.000	30.000		30.000		8.739	42.000		42.000		UBND thị xã Bình Long				
28	Xây dựng, lát nhựa đường từ DT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000	45.000	20.000		20.000		2.969	-		-		UBND thị xã Phước Long				
29	Xây dựng, lát nhựa đường từ DT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phù Riêng) đến đường DT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	48.500	20.000		20.000		2.000	5.500		5.500		UBND thị xã Phước Long				
30	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000	70.000	40.000		40.000		4.279	-		-		UBND thị xã Phước Long				
31	Xây dựng đường từ DT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khê Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000	50.000	20.000		20.000		-	-		-		UBND thị xã Phước Long				
32	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hòn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	45.000	20.000		20.000		30.000	-		30.000		UBND huyện Hòn Quản				
33	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hòn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	90.000	20.000		20.000		8.500	25.000		25.000		UBND huyện Hòn Quản				
34	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hòn Quản	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	51.000	20.000		20.000		-	-		-		UBND huyện Hòn Quản				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bồi tri vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó							
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiến thiết					
35	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hòn Quản	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	52.000	20.000		20.000			25.000		25.000		UBND huyện Hòn Quản				
36	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng).	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	42.000	20.000		20.000			15.175				UBND huyện Phú Riềng				
37	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	160.000	50.000			50.000		49.731	20.000			20.000	UBND huyện Phú Riềng			
38	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hòn Quản).	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	53.400	25.400		25.400			5.000	27.600		27.600		UBND huyện Phú Riềng			
39	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường DT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	53.000	20.000		20.000			5.500	55.000		55.000		UBND huyện Phú Riềng			
40	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn Thành thành đèn KCN Chơn Thành	79/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	100.000	90.000	30.000	30.000			30.000		1.152	40.000		40.000		UBND thị xã Chơn Thành			
II Hạ tầng khu công nghiệp, KKT			200.000	180.000	163.000	56.300	-	-	56.300	-	14.284	11.000	-	-	11.000				
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	44.000	10.000			10.000		40					Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	34.000	20.000			20.000		666	11.000			11.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc keo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	42.000	15.000			15.000		8.538					Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
4	Xây dựng nới tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đông Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đông Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	43.000	11.300			11.300		5.040					Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
III Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp			158.000	174.000	89.000	59.000	10.000	-	49.000	-	10.752	83.589	83.589	-	-				
1	Dầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	18.000	5.000	5.000				3.905					Chủ cue Kiểm Lâm			
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	22.000	5.000	5.000				5.000	10.000	10.000			Liên minh HTX			
3	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Dak Woa, huyện Bù Đăng	2043/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	138.000	124.000	49.000	49.000			49.000		1.847	73.589	73.589			Ban QLDA ĐTXD tỉnh			
IV Giáo dục và Đào tạo			260.000	1.074.000	1.072.000	264.000	-	-	264.000	-	79.792	51.000	-	-	51.000				
1	Hỗ trợ các huyện xây dựng 280 phòng học			840.000	840.000	196.000	-	-	196.000	-	48.221	-	-	-	-				
1.1	Hỗ trợ huyện Bù Đăng 30 phòng học			203.000	203.000	21.000			21.000		5.881	-							
1.2	Hỗ trợ huyện Bù Đốp 30 phòng học			91.000	91.000	21.000			21.000		4.682	-							
1.3	Hỗ trợ huyện Lộc Ninh 70 phòng học			119.000	119.000	49.000			49.000		11.946	-							
1.4	Hỗ trợ huyện Phú Riềng 20 phòng học			81.200	81.200	14.000			14.000		-								
1.5	Hỗ trợ huyện Hòn Quản 70 phòng học			77.000	77.000	49.000			49.000		15.217	-							

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bù tri vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giai ngắn 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư				
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
							Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết			Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết					
1.6	Hỗ trợ huyện Đồng Phú 40 phòng học			56 000	56 000	28 000			28 000			-	-	-					
1.7	Hỗ trợ thị xã Phước Long 20 phòng học			63 000	63 000	14.000			14 000		10.495	-	-	-					
1.8	Hỗ trợ huyện Bü Gia Mập 124 phòng học			86 800	86 800							-	-	-					
1.9	Hỗ trợ thị xã Bình Long 50 phòng học			35 000	35 000							-	-	-					
1.10	Hỗ trợ thị xã Chơn Thành 40 phòng học			28 000	28 000							-	-	-					
2	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		6.621	-	-	-	UBND huyện Hòn Quản				
3	Xây dựng trường mầm non Phước Thiên	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		4.352	-	-	-	UBND huyện Bü Đôp				
4	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000	27.000	7.000			7.000		6.355	-	-	-	UBND huyện Bü Đôp				
5	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	133.000	35.000			35.000		2.250				UBND TX Bình Long				
6	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thủ Sơn, huyện Bü Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000	18.000	12.000			12.000		11.993	-	-	-	UBND huyện Bü Đăng				
7	Dự án kiên cố hóa phòng học tam, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	68.000						51.000	-	-	-	51.000 Ban QLDA ĐTXD tỉnh				
V	Văn hóa xã hội		330.000	297.000	272.790	96.140	70.040	-	26.100		70.552	21.000	21.000	-	-				
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000	115.040	35.040	35.040				28.867				Đài PTTH và Báo Bình Phước				
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	107.100	26.100			26.100		25.705				Ban QLDA ĐTXD tỉnh				
3	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	3271/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	80.000	72.000	50.650	35.000	35.000				15.980	21.000	21.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh				
VI	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		531.000	481.400	250.000	190.000	15.000	-	175.000		3.884	225.000	-	-	225.000				
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	1194/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	446.000	401.400	195.000	150.000			150.000		3.884	200.000			200.000 Sở Thông tin và Truyền thông				
2	Đầu tư trang thiết bị cho bộ phận một cửa các cấp và lực lượng Công an để triển khai mô hình dịch vụ công theo Đề án 06/CP	1721/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	30.000	30.000	30.000	15.000	15.000								Công an tỉnh				
3	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn	1922/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	55.000	50.000	25.000	25.000			25.000			25.000			25.000 Công an tỉnh				
V	Quản lý nhà nước		65.000	-	59.000	59.000		-	59.000		-	-	-	-					
1	Cải tạo, nâng cấp Hồi thương 420 chỗ		65.000		59.000	59.000			59.000						Ban QLDA ĐTXD tỉnh				
VI	Quốc phòng - An ninh		128.000	115.200	35.000	35.000	25.000	-	10.000		79.500	-	79.500	-					
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25/QĐ-UBND ngày 03/01/2024	43.000	38.700	10.000	10.000			10.000			28.000		28.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh				
2	Sở chỉ huy thông nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	142/QĐ-QK ngày 10/11/2023	50.000	45.000	10.000	10.000	10.000				35.000		35.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh				

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2024	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024				Giải ngân 5 tháng đầu năm 2024 (đến ngày 27/5/2024)	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025				Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết		Tổng số	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xô sô kiên thiết	
3	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	744/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	35.000	31.500	15.000	15.000	15.000				16.500		16.500		Công an tỉnh
G2	Dự án khởi công mới		28.578.820	1.703.500	-	-	-	-	-	-	2.268.700	-	1.494.700	774.000	
I	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		28.578.820	1.703.500	-	-	-	-	-	-	2.268.700	-	1.494.700	774.000	
1	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chợ Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	02/NQ-HĐND ngày 13/5/2024	1.474.000	314.000							474.000			474.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chợ Thành (Bình Phước)		25.540.000	1.233.500							1.233.500		1.233.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Dự án Hiên đại hoa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	1310/QĐ-UBND ngày 15/8/2023	604.820	156.000							106.000		106.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn ĐT 753 - ranh Bình Dương), tỉnh Bình Phước		960.000								455.200		155.200	300.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh